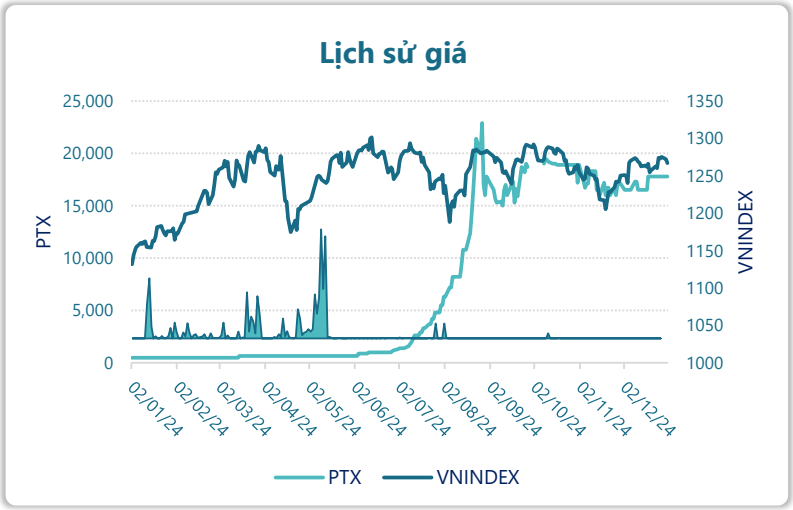
FireAnt

CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh (HNX: PTX)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**17,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	
SL cổ phiếu LH	6,432,453
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,075
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	114
P/E	
EPS	

DT thuần

Q4/24

404

tỷ VNĐ

QoQ: ▼20.0| -4.7%

LN sau thuế

Q4/24

7.58

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.17| 71.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

1.3%

+/- YoY: ▲ 0.5%

DT thuần

2024

1,904

tỷ VNĐ

YoY: ▼191| -9.1%

LN sau thuế

2024

19.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.10| 56.9%

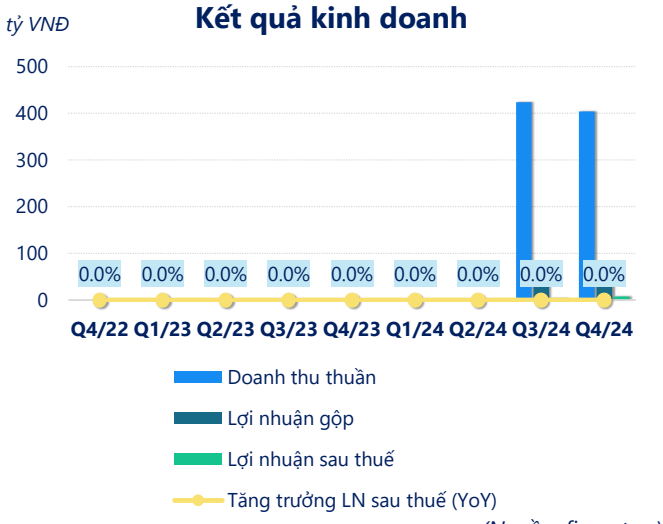
ROE

2024

19.9%

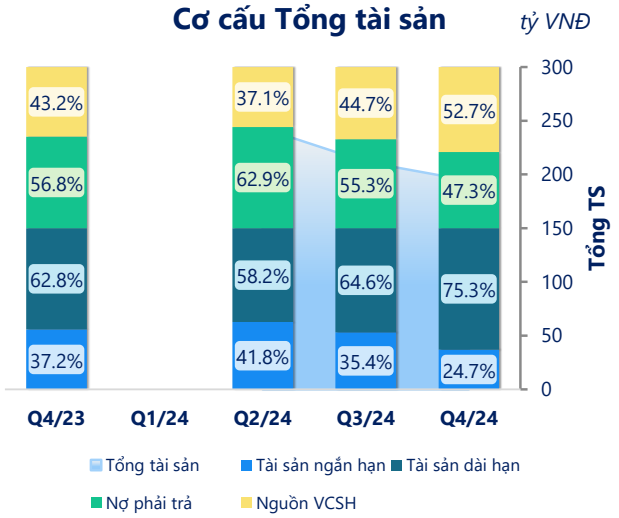
+/- YoY: ▲ 5.9%

Kết quả kinh doanh



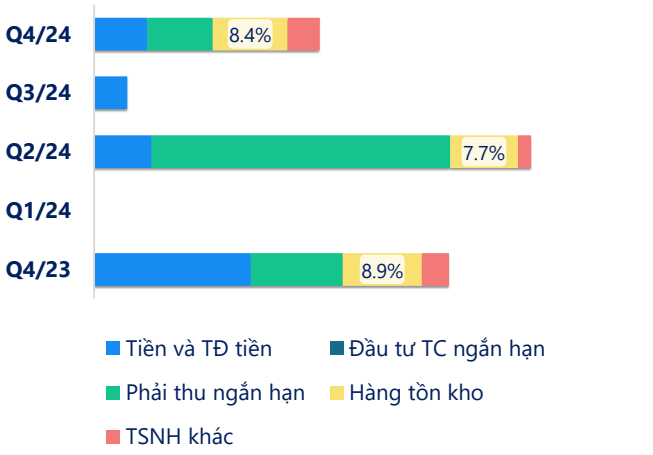
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



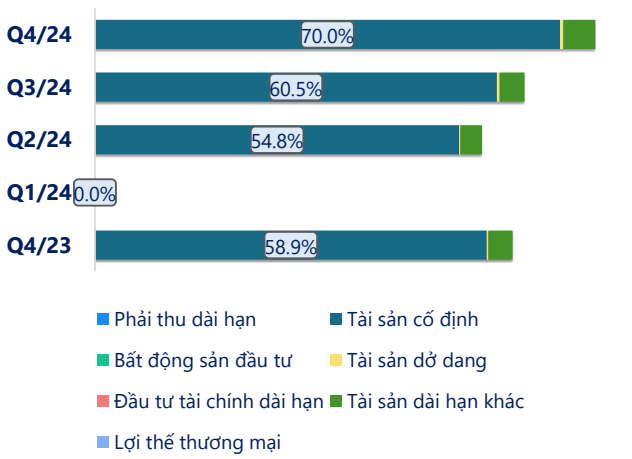
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



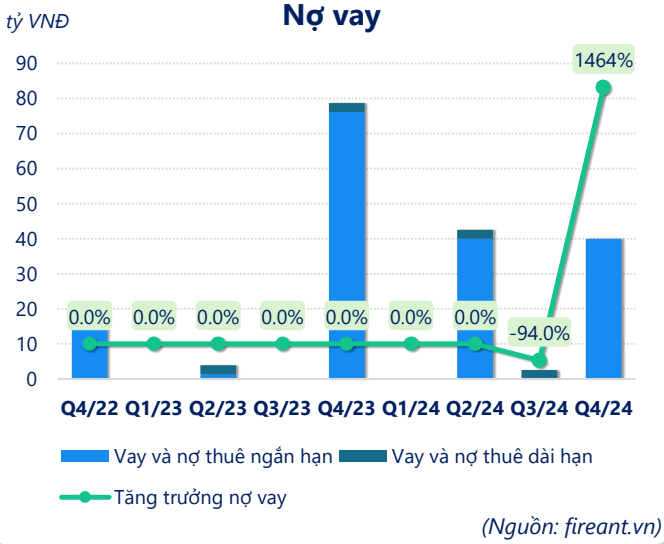
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



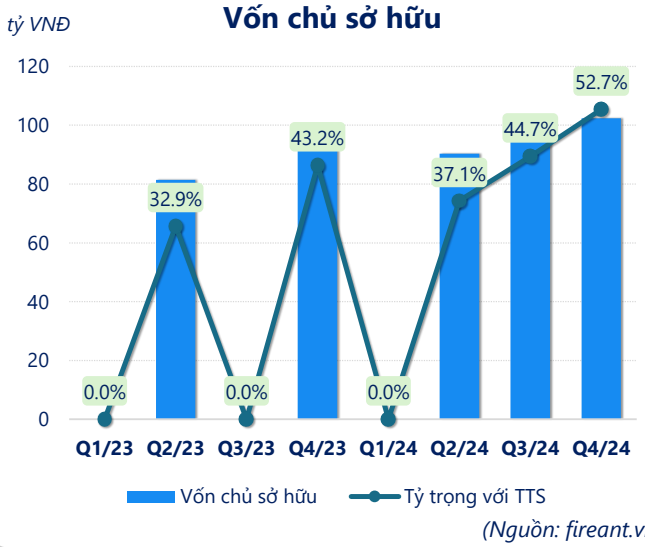
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



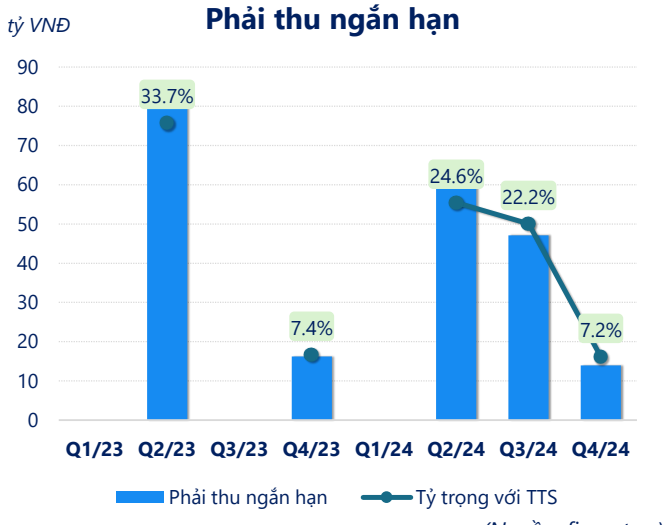
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



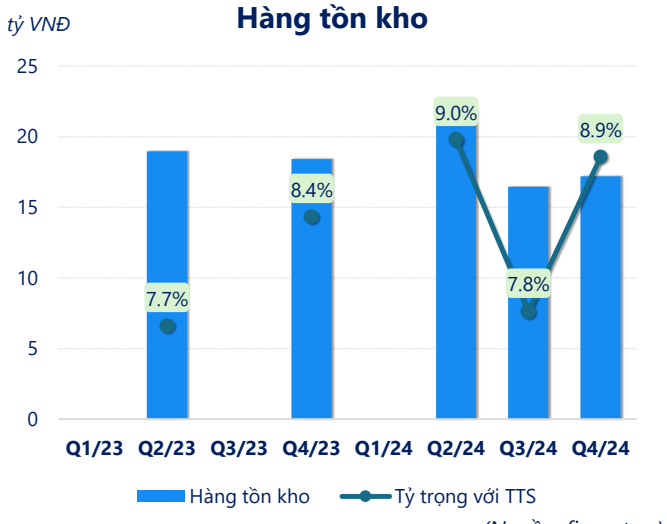
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



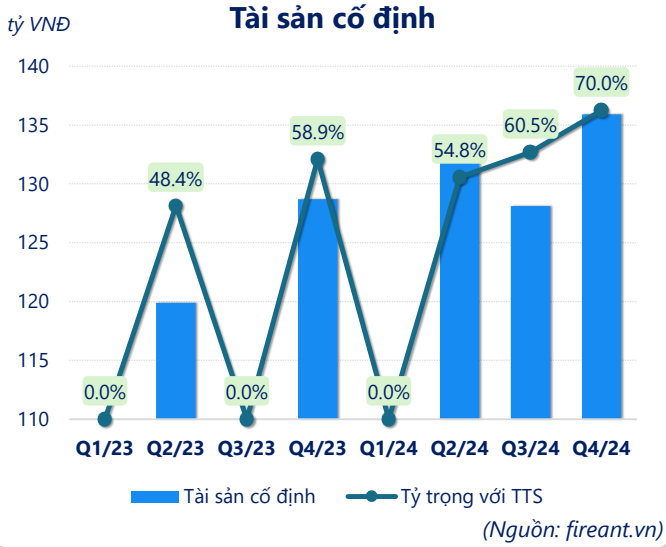
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



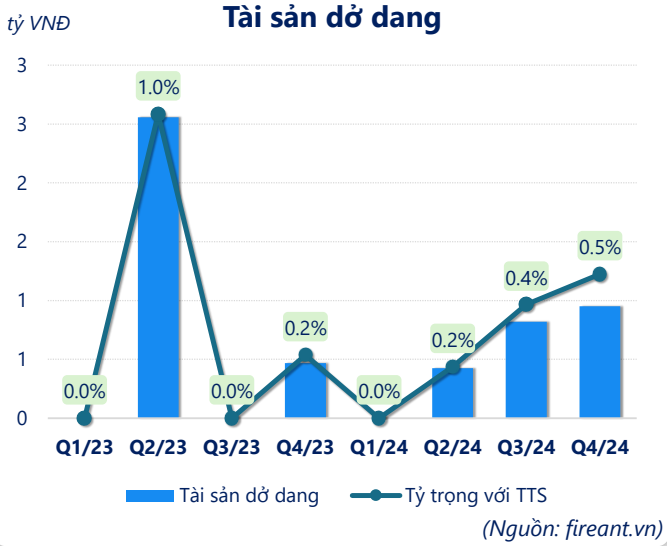
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



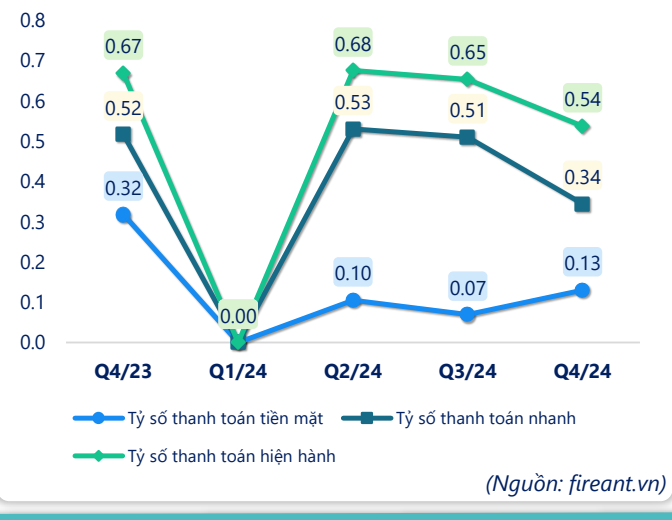
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



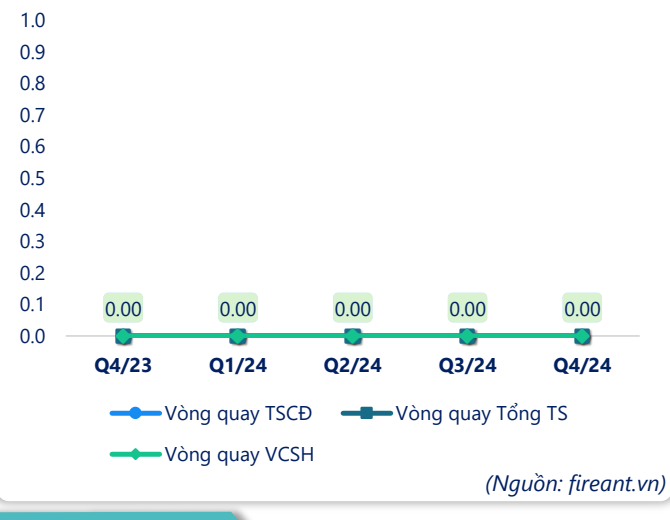
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**218**		**243**	**212**	**194**
Tài sản ngắn hạn	**81.2**		**102**	**74.9**	**48.0**
Tiền và tương đương tiền	38.6		15.8	7.96	11.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0		0	0	0
Phải thu ngắn hạn	16.2		59.9	47.1	13.9
Hàng tồn kho	18.4		21.8	16.4	17.2
Tài sản ngắn hạn khác	7.94		4.05	3.38	5.24
Tài sản dài hạn	**137**		**142**	**137**	**146**
Phải thu dài hạn	0		0	0	0
Tài sản cố định	129		133	128	136
Bất động sản đầu tư	0		0	0	0
Tài sản dở dang	0.47		0.43	0.82	0.95
Đầu tư tài chính dài hạn	0		0	0	0
Tài sản dài hạn khác	8.01		7.92	8.03	9.37
Lợi thế thương mại	0		0	0	0
Nợ phải trả	**124**		**153**	**117**	**91.9**
Nợ ngắn hạn	**121**		**150**	**115**	**89.3**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	76.1		40.0	0	40.0
Phải trả người bán ngắn hạn	10.6		62.5	63.5	7.42
Nợ dài hạn	2.56		2.57	2.56	2.56
Vay và nợ thuê dài hạn	2.56		2.57	2.56	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**94.3**		**90.3**	**94.7**	**102**
Vốn chủ sở hữu	**94.3**		**90.3**	**94.7**	**102**
Vốn điều lệ	64.3		64.3	64.3	64.3
Kinh phí và quỹ khác	0		0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)